

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/ 2017/HNGĐ- ST

Ngày: 02/10/ 2017

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sỹ Huyền và ông Hồ Xuân Chương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Lê Thế Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoài Thương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 64/ 2017/ TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/ 2017/ QĐST- HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 15/9/2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khối 7, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Thái H1, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khối 7, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt (đã tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Bùi Thái H1 vào ngày 09/01/2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính của vợ chồng không hợp nhau. Đến tháng 5/2011 anh H1 đã bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay. Ngày 23/6/2017 Tòa án nhân dân huyện H tuyên bố anh Bùi Thái H1 mất tích kể từ ngày 01/6/ 2011. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Thái H1 có một con chung là Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 24/9/2004. Chị H có nguyện vọng được nuôi con mà không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không ai vay nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tố tụng và đề xuất đường lối giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý đến nay thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xử vắng mặt, còn bị đơn đã được tuyên bố mất tích của Tòa án đồng thời đã niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ theo luật định. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015 để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Thái H1.

Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 24/9/2004 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Thái H1 không có tài sản chung, không vay nợ ai, không có ai nợ anh chị nên chị H không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Thái H1 đều vắng mặt. Tuy nhiên chị H đã có đơn xin xử vắng mặt hợp lệ, anh H1 đã được Tòa án tuyên bố mất tích, cả hai lần triệu tập đến phiên tòa hợp lệ

nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015 để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Thái H1 là hoàn toàn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Sau kết hôn chị H anh H1 chung sống hạnh phúc, yêu thương giúp đỡ hỗ trợ cho nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên hạnh phúc của chị H anh H1 chỉ đến tháng 5/2011 là phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình nên anh H1 đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 5 năm 2011 đến nay không rõ có tin tức gì. Mặc dù chị H đã tìm kiếm nhiều lần nhưng không có tin tức của anh H1. Tòa án đã tuyên bố anh H1 mất tích kể từ ngày 01/6/2011. Nay chị H xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nữa, anh H1 không quan tâm đến chị nữa nên chị H xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Bùi Thái H1 đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015 xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Thái H1 là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Thái H1 có một con chung cháu Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 24/9/2004. Xét nguyện vọng được nuôi con của chị H là hoàn toàn chính đáng. Từ khi anh H1 bỏ nhà ra đi cho đến nay chị H là người trực tiếp nuôi cháu H2 phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy cần căn cứ các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Bùi Thị Thanh H2 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Còn về cấp dưỡng nuôi chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Theo lời khai chị H vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không có ai nợ vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Bùi Thái H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Thái H1.

- *Về quan hệ con chung:* Xử, giao cháu Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 24/9/2004 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Bùi Thái H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Xử buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002121, ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án phí dân sự thẩm chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị H, Anh Bùi Thái H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H;
- Các đương sự;
- UBND TT P;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường

